

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP BAF
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2023/CBTT-BAF

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM.**

- Mã chứng khoán: BAF

- Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C Xa Lộ Hà Nội, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại liên hệ: 0766 074 787

- E-mail: Congbothongtin@baf.vn

2. Nội dung thông tin công bố: *Công bố Báo cáo tài chính Tổng Hợp Quý II năm 2023 (Chi tiết xem trong file gửi kèm).*

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/7/2023 tại đường dẫn <http://baf.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm:

*Báo cáo tài chính Tổng Hợp Quý II-
2023;*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

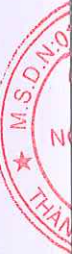


Bùi Hương Giang

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 2

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.795.736.914.529	2.069.971.998.188
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22.298.694.366	119.564.393.862
111	1. Tiền		7.298.694.366	79.564.393.862
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		100.000.000.000	100.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	100.000.000.000	100.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.664.431.178.858	1.099.299.708.971
131	1. Phải thu của khách hàng	6	1.291.625.498.781	643.501.723.127
132	2. Trả trước cho người bán	7	33.788.441.109	25.699.870.125
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.1	187.740.423.034	359.752.207.679
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	155.379.619.004	74.561.560.696
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.303.303.908)	(4.303.303.908)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		200.500.838	87.651.252
140	IV. Hàng tồn kho	11	987.125.857.890	730.673.889.982
141	1. Hàng tồn kho		987.125.857.890	730.673.889.982
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.881.183.415	20.434.005.373
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	21.773.430.797	20.393.364.578
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		107.752.618	33.224.302
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	7.416.493

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.237.224.869.327	1.582.096.941.734
210	I. Khoản phải thu dài hạn		84.672.014.200	69.852.014.200
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8.2	525.000.000	675.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	84.147.014.200	69.177.014.200
220	II. Tài sản cố định		332.393.027.217	326.685.651.077
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	150.910.632.519	145.114.825.380
222	Nguyên giá		212.218.174.154	195.188.801.948
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(61.307.541.635)	(50.073.976.568)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	181.482.394.698	181.570.825.697
228	Nguyên giá		182.531.826.000	182.431.826.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.049.431.302)	(861.000.303)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	14.649.842.650
231	1. Nguyên giá	14	-	15.175.990.712
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		-	(526.148.062)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		76.280.786.515	38.052.528.999
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	76.280.786.515	38.052.528.999
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	1.608.657.790.505	1.018.057.790.505
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.620.682.039.781	1.000.682.039.781
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	29.400.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư		(12.024.249.276)	(12.024.249.276)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		135.221.250.890	114.799.114.303
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	132.049.792.370	111.627.655.783
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.171.458.520	3.171.458.520
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.032.961.783.856	3.652.068.939.922

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.187.425.231.236	1.970.145.846.703
310	I. Nợ ngắn hạn		2.458.294.702.283	1.668.300.633.406
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	1.761.733.171.649	1.041.054.351.239
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.972.611.308	5.010.828.819
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	3.626.782.854	54.710.153.555
314	4. Phải trả người lao động		15.855.426.293	23.525.521.267
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		64.663.682.992	36.701.507.734
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	102.759.443.187	52.428.365.792
320	7. Vay ngắn hạn	20.1	507.683.584.000	454.869.905.000
330	II. Nợ dài hạn		729.130.528.953	301.845.213.297
338	1. Vay và nợ tài chính dài hạn	20.2	729.130.528.953	301.845.213.297
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.845.536.552.620	1.681.923.093.219
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.845.536.552.620	1.681.923.093.219
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21	1.435.200.000.000	1.435.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.435.200.000.000	1.435.200.000.000
413	2. Quyền chọn chuyển đổi		153.441.236.714	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	256.895.315.906	246.723.093.219
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		246.723.093.219	1.880.764.583
421b	- (Lỗ) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ nay		10.172.222.687	244.842.328.636
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.032.961.783.856	3.652.068.939.922



Nguyễn Văn Nhung
Người lập



Nguyễn Huỳnh Thanh Mai
Kế toán trưởng



Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

B02-DN/HIN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 – 2023	Quý 2 – 2022	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
01	1. Doanh thu về bán hàng		1.677.543.117.379	1.343.397.211.706	2.531.224.532.131	2.925.441.113.389
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(253.371.871)	(589.594.482)	(1.024.146.109)	(871.536.832)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	1.677.289.745.508	1.342.807.617.224	2.530.200.386.022	2.924.569.576.557
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(1.660.354.631.678)	(1.268.285.459.864)	(2.508.734.548.461)	(2.712.853.493.384)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		16.935.113.830	74.522.157.360	21.465.837.561	211.716.083.173
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	128.765.579.639	5.519.979.411	134.006.303.256	8.437.218.673
22	7. Chi phí tài chính	24	(37.545.112.391)	(23.619.167.554)	(52.127.967.501)	(25.983.087.590)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(37.540.686.457)	(2.125.432.218)	(52.123.541.567)	(4.489.352.254)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(18.712.081.245)	(14.698.985.411)	(38.567.289.093)	(24.236.855.592)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(23.291.321.398)	(17.661.159.417)	(46.012.383.162)	(35.465.242.326)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		66.152.178.435	24.062.824.389	18.764.501.061	134.468.116.338
31	11. Thu nhập khác	27	-	4.556.752.223	391.003.399	2.019.995.137
32	12. Chi phí khác	27	(10.894.735.721)	-	(6.485.469.837)	(567.927.787)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	27	(10.894.735.721)	4.556.752.223	(6.094.466.438)	1.452.067.350
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		55.257.442.714	28.619.576.612	12.670.034.623	135.920.183.688
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(2.497.811.936)	(5.344.512.235)	(2.497.811.936)	(24.704.046.641)
60	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		52.759.630.778	23.275.064.377	10.172.222.687	111.216.137.047

(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Nhượng
Người lập

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

(Handwritten signature)

Nguyễn Huỳnh Thanh Mai
Kế toán trưởng



Bùi Hương Giang
Tổng Giám Đốc

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		12.670.034.623	135.920.183.688
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		13.407.242.708	11.346.676.139
03	Các khoản dự phòng		-	21.392.725.336
05	(Lỗ) lãi từ hoạt động đầu tư		(23.906.659.946)	(15.088.968.625)
06	Chi phí lãi vay	24	52.123.541.567	4.489.352.254
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.294.158.952	158.059.968.792
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(731.786.868.951)	1.408.480.639.949
10	Tăng hàng tồn kho		(256.451.967.908)	(345.024.574.554)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		765.673.003.964	(1.088.461.248.093)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(21.991.675.831)	5.346.404.538
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	65.097.500.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(27.854.649.699)	(13.030.702)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(55.259.317.891)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(273.377.317.364)	203.485.659.930
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(33.296.900.743)	(19.943.034.823)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản		23.856.502.596	17.422.898.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(296.544.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		172.011.784.645	136.557.545.094
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết		(620.000.000.000)	(123.665.997.100)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	1.318.665.011
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(457.428.613.502)	(284.853.923.818)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		153.441.236.714	-
33	Tiền thu từ đi vay		767.197.238.656	162.051.744.150
34	Tiền trả nợ gốc vay		(287.098.244.000)	(84.741.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		633.540.231.370	77.310.744.150

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(97.265.699.496)	(4.057.519.738)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		119.564.393.862	113.989.076.918
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	22.298.694.366	109.931.557.180

Nguyễn Văn Nhượng
Người lập

Nguyễn Huỳnh Thanh Mai
Kê toán trưởng



Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107795944 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 16 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2022.

1.1 Lĩnh vực kinh doanh : Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ,

1.2 Ngành nghề kinh doanh :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:
+ Buôn bán hàng nông sản: ngô, lúa mỳ, khô đậu tương...
+ Chăn nuôi hỗn hợp
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi (cám)

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

1.4 Cấu trúc Công ty – Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Thôn Kinh tế 2, Xã Eatrol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Thôn Jang Pông, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành	Tổ 3, Ấp Thạnh Trung, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Thửa đất 5,6,7,8, tờ bản đồ 109 xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,40%	99,40%

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	Buôn Thung, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	Lô A20, Đường N8B, KCN Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định	Lô E5, khu công nghiệp Nhơn Hòa, khu vực Tân Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước	Lô B1 KCN Minh Hưng – Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng	Áp Kà Ôt, Xã Tân Đông, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,9%	99,9%
Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu	Tổ 6, Ấp 4, Xã Suối Ngô, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	99,9%	99,9%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại XNK Thiên Phú Sơn	Tổ 7, Khu phố Tân Trà 1, Phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi	G18B, Khu phố 5, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Chăn nuôi	99,9%	99,9%

1.5 Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 101, khu phố Đông, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. MST: 0107795944-001
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam MST: 0107795944-003
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Cụm công nghiệp Bích Hòa, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội MST: 0107795944-004
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Đồng Nai (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Tổ 5, Đường Hồ Xuân Hương, Khu phố 6, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam MST: 0107795944-005
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Bà Rịa Vũng Tàu (Chi nhánh hạch toán)	Đường 2A, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

Tên đơn vị	Địa chỉ
phụ thuộc).	Nam MST : 0107795944-006
Địa điểm kinh doanh Hòa Bình 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Xóm Quê Sụ, xã Cao Rằm, Lương Sơn, Hòa Bình. MST: 0107795944-001
Địa điểm kinh doanh Vĩnh Phúc 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Nhật Chiêu 7, xã Châu Liêm, Yên Lạc, Vĩnh Phúc MST: 0107795944-002
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Quảng Trung, xã Thạch Quảng, Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam MST: 0107795944-003
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 2 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Đông Thuận, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST: 0107795944-004
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn 3, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST: 0107795944-005
Địa điểm kinh doanh Bình Phước - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Áp Tân Phú, xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam MST: 0107795944-007
Địa điểm kinh doanh Bình Dương - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 8, đường Hiếu Liêm 20, ấp cây Dâu, xã Hiếu Liêm, Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam MST: 0107795944-008

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 **Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

3.5 Các khoản phải thu

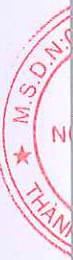
Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.



Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Heo nọc, Heo nái

Bao gồm các chi phí phát sinh liên quan heo nọc, heo nái cho đến khi heo đủ điều kiện phối giống, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Heo được đưa vào phối giống

Khi heo chết, dịch bệnh toàn bộ chi phí trả trước sẽ được phân bổ vào giá vốn trong năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

Tiền thuê đất trả trước 1 lần

Là khoản nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các Công ty con hoạt động Trang trại chăn nuôi heo. Thời gian phân bổ theo thời gian sử dụng đất đã được phê duyệt trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 15
Máy móc và thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác (Heo)	04

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nhận diện thương hiệu cơ bản được hoàn thành. Nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

3.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

Vay và nợ thuê tài chính

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

3.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

3.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

3.20 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính Thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn/Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn/Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn/Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn/Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn/Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn/Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm, thực hiện theo nguyên tắc giá thị trường, được trình bày ở thuyết minh số 28.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	61.756.941	1.260.179.055
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.236.937.425	78.304.214.807
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	40.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>22.298.694.366</u>	<u>119.564.393.862</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi.

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	50.000.000.000		50.000.000.000	
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	20.000.000.000	(12.024.249.276)	20.000.000.000	(12.024.249.276)
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	49.000.000.000		49.000.000.000	
Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh	109.200.000.000		39.200.000.000	
Công ty TNHH SX TM DV Đông An Khánh	99.600.000.000		19.600.000.000	
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	99.600.000.000		19.600.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	39.200.000.000		39.200.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	129.600.000.000		19.600.000.000	
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	399.280.000.000		119.280.000.000	
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hinh	48.000.000.000		48.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	148.500.000.000		148.500.000.000	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định	78.400.000.000		78.400.000.000	
Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước	120.000.000.000		120.000.000.000	
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng	29.970.000.000		29.970.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu	40.809.150.000		40.809.150.000	
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại XNK Thiên Phú Sơn	64.183.771.710		64.183.771.710	
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi	95.339.118.071		95.339.118.071	
Đầu tư vào công ty liên doanh				
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	-	-	29.400.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.620.682.039.781	(12.024.249.276)	1.030.082.039.781	(12.024.249.276)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ các bên liên quan	281.081.748.982	149.174.623.006
<i>Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên</i>	106.887.843.068	65.273.723.968
<i>Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam</i>	125.376.834.675	58.713.403.885
<i>Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1</i>	20.819.550.780	7.474.077.640
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành</i>	17.074.520.160	2.501.861.729
<i>Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh</i>	10.503.000.299	15.211.555.784
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nam An Khánh</i>	420.000.000	-
Phải thu từ các bên khác	1.010.543.749.799	494.327.100.121
<i>Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Nông Sản Phú Tâm</i>	340.081.655.000	3.327.757.200
<i>Công Ty Cổ Phần Điều Organic Bissau</i>	332.088.754.500	-
<i>Công Ty Cổ Phần Kho Vận An Phú</i>	205.076.623.000	-
<i>Khác</i>	133.296.717.299	490.999.342.921
TỔNG CỘNG	1.291.625.498.781	643.501.723.127

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước các bên khác	33.019.901.108	21.241.072.574
Trả trước bên liên quan	768.540.001	4.458.797.551
<i>Tập đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao SIBA</i>	408.540.000	408.540.000
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hoi</i>	360.000.001	428.422.274
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc</i>	-	2.238.000.000
<i>Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên</i>	-	1.383.835.277
TỔNG CỘNG	33.788.441.109	25.699.870.125

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

8.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu các bên liên quan	186.886.823.034	357.864.282.690
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	80.640.000.000	94.290.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	57.388.217.000	58.088.217.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	30.668.606.034	28.458.606.034
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2	15.490.000.000	47.280.000.000
Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh	2.700.000.000	24.060.000.000
Công ty TNHH SX TM DV Đông An Khánh	-	56.864.000.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	-	47.800.000.000
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Kim Hoi	-	1.023.459.656
Phải thu các bên khác	853.600.000	1.887.924.989
TỔNG CỘNG	187.740.423.034	359.752.207.679

8.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu các bên khác	525.000.000	675.000.000

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	155.379.619.004	74.561.560.696
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	24.166.328.482	50.698.868.214
Phải thu từ đầu tư dự án	27.925.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.378.257.534	-
Khác	100.910.032.988	23.862.692.482
Dài hạn	84.147.014.200	69.177.014.200
Đặt cọc tiền thuê trại	84.147.014.200	69.177.014.200
TỔNG CỘNG	239.526.633.204	143.738.574.896
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(4.303.303.908)	(4.303.303.908)
GIÁ TRỊ THUẦN	235.223.329.296	139.435.270.988

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	21.773.430.797	20.393.364.578
Chi phí bản quyền con giống	12.594.105.000	12.594.105.000
Công cụ, dụng cụ	4.193.623.772	5.346.738.344
Khác	4.985.702.025	2.452.521.234
Dài hạn	132.049.792.370	111.627.655.783
Giá súc	112.114.266.612	103.708.628.708
Công cụ, dụng cụ	10.253.661.596	4.922.568.053
Khác	9.681.864.162	2.996.459.022
TỔNG CỘNG	<u>153.823.223.167</u>	<u>132.021.020.361</u>

11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	892.257.720.166	677.719.657.582
Nguyên liệu, vật liệu	81.620.839.585	39.121.320.500
Công cụ, dụng cụ	8.311.494.854	6.282.233.603
Thành phẩm	3.130.858.232	5.887.480.428
Hàng mua đang đi đường	1.229.528.000	1.072.189.400
Hàng hóa	575.417.053	591.008.469
TỔNG CỘNG	<u>987.125.857.890</u>	<u>730.673.889.982</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						VND
Số đầu kỳ	99.058.538.492	33.841.816.814	49.386.711.142	3.469.211.891	9.432.523.609	195.188.801.948
Mua mới trong kỳ	-	139.480.000	-	-	-	139.480.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ đang	14.781.825.408	4.553.911.493	151.140.000	398.720.298	33.046.944	19.918.644.143
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	(3.028.751.937)	(3.028.751.937)
Số cuối kỳ	113.840.363.900	38.535.208.307	49.537.851.142	3.867.932.189	6.436.818.616	212.218.174.154
Khấu hao lũy kế						
Số đầu kỳ	(25.513.452.303)	(8.970.286.398)	(9.781.745.968)	(945.995.588)	(4.862.496.311)	(50.073.976.568)
Khấu hao trong kỳ	(6.551.745.706)	(2.028.710.958)	(3.019.715.112)	(330.064.823)	(1.099.102.086)	(13.029.338.685)
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	1.795.773.618	1.795.773.618
Số cuối kỳ	(32.065.198.009)	(10.998.997.356)	(12.801.461.080)	(1.276.060.411)	(4.165.824.779)	(61.307.541.635)
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	73.545.086.189	24.871.530.416	39.604.965.174	2.523.216.303	4.570.027.298	145.114.825.380
Số cuối kỳ	81.775.165.891	27.536.210.951	36.736.390.062	2.591.871.778	2.270.993.837	150.910.632.519

Một phần của các tài sản này đang được dùng để thế chấp cho các khoản vay.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ và cuối kỳ	180.849.310.000	1.582.516.000	182.431.826.000
Mua mới trong kỳ	-	100.000.000	100.000.000
Số cuối kỳ	180.849.310.000	1.682.516.000	182.531.826.000
Hao mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	(861.000.303)	(861.000.303)
Hao mòn trong kỳ	-	(188.430.999)	(188.430.999)
Số cuối kỳ	-	(1.049.431.302)	(1.049.431.302)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	180.849.310.000	721.515.697	181.570.825.697
Số cuối kỳ	180.849.310.000	633.084.698	181.482.394.698

Một phần của các tài sản này đang được dùng để thế chấp cho các khoản vay.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Nguyên giá</i>	<i>Giá trị hao mòn</i>	<i>Giá trị còn lại</i>
Số đầu kỳ	15.175.990.712	(526.148.062)	14.649.842.650
Thanh lý trong kỳ	(15.175.990.712)	526.148.062	(14.649.842.650)
Số cuối kỳ	-	-	-

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là chi phí xây dựng, mua sắm lắp đặt máy móc thiết bị tại các nhà máy sản xuất và các trại chăn nuôi. Thông tin chi tiết như sau

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Xây dựng trại heo	47.270.979.246	35.078.028.691
Máy móc thiết bị	1.119.487.600	2.572.777.264
Con giống	-	401.723.044
Khác	27.890.319.669	-
TỔNG CỘNG	76.280.786.515	38.052.528.999

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả các bên liên quan	122.575.394.089	84.569.966.697
<i>Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1</i>	<i>60.140.428.500</i>	<i>12.797.119.500</i>
<i>Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh</i>	<i>39.706.709.164</i>	<i>45.955.595.926</i>
<i>Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên</i>	<i>18.682.700.124</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam</i>	<i>2.168.851.782</i>	<i>1.021.470.285</i>
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc</i>	<i>562.000.000</i>	-
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh</i>	<i>455.525.750</i>	-
<i>Công Ty CP Tập Đoàn Tân Long</i>	<i>182.084.109</i>	<i>8.306.662.309</i>
<i>Tập đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao SIBA</i>	<i>677.094.660</i>	-
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành</i>	-	<i>16.489.118.677</i>
Phải trả cho bên khác	1.639.157.777.560	956.484.384.542
<i>Công ty Cổ phần Nông sản MOGB Quốc tế</i>	<i>225.157.914.350</i>	<i>164.637.498.100</i>
<i>Công ty Cổ phần Gạo Vì Dân</i>	<i>440.133.948.600</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Nông nghiệp An Điền</i>	<i>288.029.748.650</i>	-
Khác	685.836.165.960	791.846.886.442
TỔNG CỘNG	1.761.733.171.649	1.041.054.351.239

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước từ các bên khác	1.972.104.008	5.010.321.519
Trả trước từ bên liên quan	507.300	507.300
<i>Công Ty CP Tập Đoàn Tân Long</i>	<i>507.300</i>	<i>507.300</i>
TỔNG CỘNG	1.972.611.308	5.010.828.819

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.134.572.645	2.497.811.936	(55.259.317.891)	373.066.690
Thuế thu nhập cá nhân	1.290.159.336	1.205.124.865	(1.795.202.160)	700.082.041
Thuế giá trị gia tăng	285.421.574	2.877.096.017	(608.883.468)	2.553.634.123
Thuế khác	-	2.283.758.723	(2.283.758.723)	-
TỔNG CỘNG	54.710.153.555	8.863.791.541	(59.947.162.242)	3.626.782.854

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT, đối với các hoạt động khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả các bên liên quan	48.525.966.836	43.426.580.030
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành	30.564.707.100	30.564.707.100
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Bình Định	7.252.664.377	5.389.055.085
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hình	5.209.571.508	4.256.723.014
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	3.317.598.642	1.959.441.680
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại XNK Thiên Phú Sơn	1.424.214.249	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	319.035.617	282.253.151
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	155.587.397	332.400.000
Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước	262.587.946	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	20.000.000	-
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Kim Hợi	-	642.000.000
Phải trả các bên khác	54.233.476.351	9.001.785.762
TỔNG CỘNG	102.759.443.187	52.428.365.792

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

20.1 Vay ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay ngân hàng	286.792.323.000	203.278.644.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	60.000.000.000	4.938.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	196.792.323.000	198.340.644.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định	30.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	3.439.200.000	3.439.200.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	3.439.200.000	3.439.200.000
Vay ngắn hạn liên quan	217.452.061.000	248.152.061.000
<i>Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định</i>	62.635.119.000	62.635.119.000
<i>Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh</i>	52.821.942.000	61.371.942.000
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình</i>	31.695.000.000	32.215.000.000
<i>Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu</i>	415.000.000	24.100.000.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng</i>	13.800.000.000	20.840.000.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn</i>	47.240.000.000	46.990.000.000
<i>Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước</i>	8.845.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>507.683.584.000</u>	<u>454.869.905.000</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay dài hạn ngân hàng	10.628.300.000	12.347.900.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	10.628.300.000	12.347.900.000
Trái phiếu thường dài hạn	291.491.833.845	289.497.313.297
Mệnh giá	300.000.000.000	300.000.000.000
Chi phí phát hành	(8.508.166.155)	(10.502.686.703)
Trái phiếu chuyển đổi	427.010.395.108	-
Cơ cấu nợ gốc (*)	450.406.930.822	-
Chi phí phát hành	(23.396.535.714)	-
Tổng cộng	<u>729.130.528.953</u>	<u>301.845.213.297</u>

(*) Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi 600.000.000.000 VND, trong đó cơ cấu vốn 153.441.236.714 VND được ghi nhận tại Vốn chủ sở hữu và cơ cấu nợ gốc 450.406.930.822 VND được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán trong tương lai theo lãi suất vay tương đương trên thị trường.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Trái phiếu chuyển đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Số dư đầu kỳ	780.000.000.000	279.844.500.000	-	377.236.264.583	1.437.080.764.583
Tăng vốn trong kỳ	655.200.000.000	(279.844.500.000)	-	(375.355.500.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	111.216.137.047	111.216.137.047
Số dư cuối kỳ	1.435.200.000.000	-	-	113.096.901.630	1.548.296.901.630
Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Số dư đầu kỳ	1.435.200.000.000	-	-	246.723.093.219	1.681.923.093.219
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu Lỗ thuần trong kỳ	-	-	153.441.236.714	-	153.441.236.714
Số dư cuối kỳ	1.435.200.000.000	-	153.441.236.714	10.172.222.687	1.598.813.559.401
				256.895.315.906	1.845.536.552.620

21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	Cổ phiếu %	VND	Cổ phiếu %
Công ty Cổ phần Siba Holdings	581.029.000.000	40,5	563.539.500.000	39,3
Bà Bùi Hương Giang	46.690.000.000	3,2	48.463.500.000	3,3
Cổ đông khác	807.481.000.000	56,3	823.197.000.000	57,4
TỔNG CỘNG	1.435.200.000.000	100,0	1.435.200.000.000	100,0

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu về bán hàng

	VND	
	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
Doanh thu thuần	2.530.200.386.022	2.924.569.576.557
Trong đó:		
Doanh thu bán nông sản	1.844.205.737.300	2.347.856.403.000
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	662.138.146.126	576.132.264.467
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	23.856.502.596	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	580.909.090

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
Cổ tức, lợi nhuận được chia	107.800.000.000	-
Lãi chuyển nhượng Chứng khoán	14.700.000.000	2.040.483.025
Lãi cho vay và tiền gửi	10.997.989.856	6.289.662.697
Khác	508.313.400	107.072.951
TỔNG CỘNG	134.006.303.256	8.437.218.673

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
Giá vốn nông sản	1.808.265.460.100	2.275.006.051.516
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	685.874.406.394	437.715.904.852
Giá vốn bất động sản đầu tư	14.594.681.967	-
Giá vốn khác	-	131.537.016
TỔNG CỘNG	2.508.734.548.461	2.712.853.493.384

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
Lãi vay	52.123.541.567	4.489.352.254
Khác	4.425.934	101.010.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	29.307.558.669
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá Chứng khoán kinh doanh	-	(7.914.833.333)
TỔNG CỘNG	52.127.967.501	25.983.087.590

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG


	VND	
	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.233.154.966	14.410.783.713
Chi phí nhân viên	8.106.736.755	7.177.723.075
Chi phí khấu hao	3.334.228.071	871.873.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.893.169.301	1.776.475.073
TỔNG CỘNG	<u>38.567.289.093</u>	<u>24.236.855.592</u>

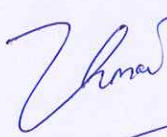
26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP


	VND	
	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
Chi phí nhân viên	24.922.192.388	24.392.353.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.085.945.153	5.266.021.330
Chi phí khấu hao	655.601.169	648.203.415
Khác	12.348.644.452	5.158.664.210
TỔNG CỘNG	<u>46.012.383.162</u>	<u>35.465.242.326</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Từ 01.01.2023 đến 30.06.2023	Từ 01.01.2022 đến 30.06.2022
Thu nhập khác	391.003.399	2.019.995.137
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.811.650.947
Các khoản khác	391.003.399	208.344.190
Chi phí khác	6.485.469.837	567.927.787
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.022.473.669	-
Phạt chậm nộp	-	523.245.528
Chi phí khác	2.462.996.168	44.682.259
LỖ (LỢI NHUẬN) KHÁC THUẦN	<u>(6.094.466.438)</u>	<u>1.452.067.350</u>


Nguyễn Văn Nhượng
Người lập


Nguyễn Huỳnh Thanh Mai
Kế toán trưởng


Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Số: 28.07/BAF-CV

V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên
BCTC tổng hợp quý II/2023 so với cùng
kỳ năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2023

- Kính gửi:**
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Tại Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II năm 2023 của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2023 (VND)	Năm 2022 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			Số tiền VND	%
Lợi nhuận sau thuế Quý II	52,759,630,778	34,975,081,830	17,784,548,948	50.8%
Lợi nhuận sau thuế lũy kế 6 tháng	10,172,222,687	111,216,137,047	(101,043,914,360)	-90.9%

Doanh thu thuần Q2.2023 đạt 1.677 tỷ VND, tăng 247 tỷ VND tương đương 17% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sau thuế Q2.2023 đạt 53 tỷ VND, tăng 18 tỷ VND tương đương 50% so với cùng kỳ năm 2022. Chủ yếu từ doanh thu bán bất động sản đầu tư và khoản lợi nhuận phân phối từ công ty con.

Doanh thu thuần lũy kế 6 tháng đạt 2.530 tỷ VND, giảm 394 tỷ VND tương đương 13% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sau thuế lũy kế 6 tháng đạt 10 tỷ VND, giảm 101 tỷ VND tương đương 91% so với cùng kỳ năm 2022.

Nguyên nhân lợi nhuận lũy kế giảm:

- Cắt giảm hoạt động kinh doanh thương mại nông sản theo lộ trình để tập trung nguồn lực vào hoạt động chăn nuôi chuỗi khép kín, đúng theo chiến lược đề ra.
- Giá bán từ đầu năm duy trì ở nền thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Và đã có dấu hiệu hồi phục từ cuối Q2.
- Sản lượng heo bán ra chưa tăng tương ứng với quy mô đàn, các trang trại mới được đưa vào vận hành trong năm nay, công ty đã giữ lại được lượng heo cai sữa để nuôi bán thịt thay vì phải bán heo cai sữa như trước đây.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu PKT, HC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Hương Giang